



BIỂU PHÍ BẢO HIỂM TIỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/QĐ/BH-PAC-13, ngày 25 -09- 2013
của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng)

Soạn thảo bởi	Soát xét bởi	Phê duyệt
Trần Thủ Thắng	Li, Wen Hao	Chen, Shen-Yaw
Ngày ký: 05 -09- 2013	Ngày ký:	Ngày ký: 25 -09- 2013

1. TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM

1.1. Đối với tiền vận chuyển

Phí bảo hiểm phụ thuộc vào các yếu tố: Số lượng tiền vận chuyển trong một chuyến, tổng số tiền vận chuyển trong một năm, quãng đường từ trụ sở đến ngân hàng...

Từ các yếu tố trên ta áp dụng công thức tính phí như sau:

Số tiền một lần vận chuyển cao nhất x Phí cơ bản + Tổng số tiền vận chuyển 1 năm x Tỷ lệ phí gia tăng

Dưới 50,000USD	0.5%	+ 0,008%
Từ 50,000USD đến 500,000USD	0,5%	+ 0,014%
Từ 500,000 đến 2,500,000	0,5%	+ 0,02%
Từ 2,500,000 trở lên	0,5%	+ 0,03%

Trước hết tính phí cơ bản bằng cách lấy tỉ lệ phí cơ bản 0,5% nhân với số tiền vận chuyển ước tính cho một chuyến cao nhất, sau đó tính phí gia tăng bằng cách lấy tỷ lệ phí tăng nhân với tổng số tiền vận chuyển trong năm, rồi cộng hai số phí lại với nhau.

1.2. Đối với tiền để trong két.

Ngoài các yêu cầu về ngôi nhà chứa tài sản như trong bảo hiểm trộm cướp, đối với loại bảo hiểm này, phí bảo hiểm phụ thuộc vào két sắt và trọng lượng của phương tiện đựng tiền. Thông thường có các phương tiện đựng tiền như sau:

- A. Kho hay hầm chứa hàng của các ngân hàng (Strong room or Vault)
Là loại phòng bọc sắt cực kỳ kiên cố, tường bằng bê tông cốt thép chống đục được tất cả các công cụ kẽ cả việc sử dụng nhiệt và/ hoặc điện và mũi khoan bằng kim cương. Tường dày ít nhất là 80cm
- B. Két sắt loại lớn: Nặng từ 1000 kg trở lên
- C. Két loại trung bình: Nặng từ 500kg đến dưới 1000kg
- D. Két loại nhỏ: Nặng từ 200kg đến dưới 500 kg
- E. Két loại rất nhỏ: Nặng dưới 200kg.

Với loại này chỉ nhận bảo hiểm khi két được chôn hoặc gắn chặt vào tường hoặc sàn nhà.

- F. Tiền để ở các quầy giao dịch của ngân hàng.

1.2.1. Các tỉ lệ phí tương đương với các loại két như sau:

A :	Tối thiểu	0,06%
B :	-	0,09%
C:	-	0,12%
D :	-	0,15%
E :	-	0,24%
F :	-	1,36%

1.2.2. Đối với các kho tiền của ngân hàng có lượng tiền biến động thường xuyên trong tháng.

Ở một số ngân hàng, do nhu cầu gửi tiền vào và rút tiền ra của khách hàng thường xuyên phát sinh nên lượng tiền tồn kho hàng ngày không cố định. Khi khách hàng có nhu cầu bảo hiểm cho loại kho này, cán bộ bảo hiểm phải yêu cầu khách hàng ước tính số lượng tồn kho cao nhất. Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở tối đa này nhưng Bảo hiểm Phú Hưng chỉ thu trước 75% phí bảo hiểm.

Hàng tháng hoặc hàng quý (tuỳ theo thoả thuận), Người được bảo hiểm gửi cho Phú Hưng bản thông báo giá trị tồn kho cao nhất trong tháng (hoặc quý). Khi hết năm, Bảo hiểm Phú Hưng cộng tất cả các giá trị cao nhất này rồi chia cho 12 tháng để tính giá trị tồn kho trung bình này. Nếu số phí đã nộp nhiều hơn thực tế phải nộp thì Bảo hiểm Phú Hưng sẽ hoàn trả, nhưng số tiền phải trả không vượt quá 1/3 số phí tạm thu lúc đầu. Nếu số phí đã nộp thấp hơn thực tế phải nộp thì khách hàng nộp thêm phần chênh lệch.

Nếu giá trị tồn kho của một tháng nào đấy tăng vọt lên cao hơn lượng trong kho cao nhất đã thông báo thì phải báo ngay cho Bảo hiểm Phú Hưng biết và nộp thêm phí bảo hiểm

2. TĂNG GIẢM PHÍ BẢO HIỂM

2.1. Điều chỉnh phí cho việc áp dụng các biện pháp an ninh

2.1.1. Áp dụng đối với tiền vận chuyển

- (1) Trường hợp Người được bảo hiểm sử dụng nhà vận chuyển tiền chuyên nghiệp và tiền mặt được vận chuyển trong két sắt thì được áp dụng mức giảm phí 10%
- (2) Trường hợp tiền được vận chuyển dưới sự giám sát của ít nhất 2 người (không kể tài xế), và 1 trong 2 người là nhân viên bảo vệ chuyên nghiệp được trang bị vũ trang thì được áp dụng mức giảm phí 5%.

2.1.2. Áp dụng đối với tiền để trong két

- (1) Trường hợp địa điểm cất giữ tiền không có hệ thống chuông báo trộm thì phí bảo hiểm được điều chỉnh tăng thêm 5%.
- (2) Trường hợp tại địa điểm cất giữ tiền không có nhân viên bảo vệ chuyên nghiệp được trang bị vũ trang trong giờ làm việc thì phí bảo hiểm được điều chỉnh tăng thêm 5%.

2.2. Tỷ lệ tổn thất

Căn cứ trên tỷ lệ tổn thất, Phí bảo hiểm được điều chỉnh tăng theo tỷ lệ như sau:

Đơn vị: %

Số lần tổn thất (Lần)	1	2	3	3	Từ 5 trở lên
Tỷ lệ tổn thất					
Dưới 50%	5	10	15	20	25
Từ 50% đến 100%	10	15	20	25	30

Trên 10% đến 150%	15	20	25	30	35
Trên 150% đến 200%	20	25	30	35	40
Trên 200%	25	30	35	40	45

2.3. Giảm phí do không có khiếu nại

Thời gian	Tỷ lệ giảm phí
1 năm liên tiếp	10%
2 năm liên tiếp	15%
3 năm liên tiếp	20%

3. PHÍ NGÂN HẠN

Thời gian bảo hiểm (tháng)	Phí bảo hiểm của một năm (%)
≤ 3	30
$> 3, \leq 6$	60
$> 6, \leq 9$	90
> 9	100

4. PHÍ TỐI THIỂU:

Phí tối thiểu là 500.000 đồng.

